

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 851/2018/HC-PT

Ngày: 20 - 9- 2018.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt
hại, tái định cư và quyết định giải
quyết khiếu nại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc.

Bà Lê Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Vũ Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Thị
Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 tháng 7; ngày 21 tháng 8 và ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại
phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công
khai vụ án hành chính thụ lý số: 61/2016/TLPT-HC ngày 24/6/2016 về việc “Khiếu
kiện quyết định hành chính về bồi thường thiệt hại, tái định cư và quyết định giải
quyết khiếu nại”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 17/2016/HC-ST ngày 28/4/2016 của Tòa án
nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3161/2018/QĐPT-HC ngày
17/7/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6116/2018/QĐPT-HC ngày
23/7/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6566/2018/QĐPT-HC ngày
21/8/2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 11, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Phường 7, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 11901 ngày 20/12/2017 lập tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

2.2. Ủy ban nhân dân Quận X.

Cùng địa chỉ: phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Cảnh P, sinh năm 1976 - Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

- Bà Phan Thị Minh L, sinh năm 1975 - Trưởng phòng tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

- Bà Huỳnh Thị Kim O, sinh năm 1973 - Nhân viên phòng tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận X.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường A, Quận X.

Địa chỉ: phường An, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Linh N – Địa chính Xây dựng phường A.

(Giấy ủy quyền số 05/GUQ ngày 19/4/2018).

3.2. Ông Vũ Đình K, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Khu phố 5, Phường 11, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Thái Hữu N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1722 ngày 10/3/2014 lập tại Văn phòng công chứng Thủ Đức).

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2012, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L là chủ sử dụng phần diện tích nhà đất tọa lạc tại địa chỉ căn nhà (thửa đất): Không số, tổ 3, khu phố 1, phường A, Quận X, có tổng diện tích đất 1.899,53m²: bao gồm 1.343m² thuộc thửa 65, 66, 67 tờ 19 (theo bản vẽ hiện trạng nhà đất do Công ty đo đạc địa chính lập ngày 01/6/2009), phần diện tích này đã được Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - diện tích 1.343m² vào ngày 02/10/2001, mục đích sử dụng: lúa và diện tích đất 614,3m² thuộc 1 phần thửa số 67 tờ 17 (theo bản vẽ hiện trạng nhà đất do Công ty đo đạc địa chính và Công trình lập ngày 5/5/2009). Toàn bộ nhà đất nêu trên thuộc quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Nguồn gốc diện tích đất 1.343m² do bà L mua của ông Phan Văn Th và bà Nguyễn Thị Th vào năm 1992, đến năm 1996 bà L tự cất nhà không phép diện tích 36m² đã bị lập biên bản xử phạt vi phạm xây dựng ngày 14/01/1997. Quá trình sử dụng từ năm 1992 đến khi bị giải tỏa, bà L có kê khai 3376, cải tạo đất làm ao, bồi đắp bờ bao. Năm 2004, nhà bị cháy bà L xây dựng lại sử dụng cho đến ngày giải tỏa. Đối với phần diện tích đất 614m² có nguồn gốc do bà L hoán đổi đất với ông Nguyễn Văn T có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường A ngày 16/5/2002, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định:

1/ Quyết định 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư;

2/ Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà L.

Theo bà L thì việc Ủy ban nhân dân phường A ban hành giấy xác nhận tình trạng pháp lý số 372/UBND ngày 02/7/2009 không đúng với quá trình sử dụng đất nên Ủy ban nhân dân Quận X bồi thường cho bà L không đúng, gây thiệt hại quyền lợi của bà L, cụ thể:

- Đối với diện tích 1.343m² thuộc thửa 65, 66, 67 tờ 19 thì Ủy ban nhân dân Quận X chỉ công nhận bồi thường cho bà L 36m² thuộc thửa 67 tờ bản đồ số 19 (theo tài liệu 2002) đất ở sử dụng năm 1996 là chưa đúng. Bởi vì toàn bộ thửa 67 tờ bản đồ số 19 (theo tài liệu 2002) có diện tích 174,4m² được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác định tại Công văn số 226/VPĐK-KT ngày 05/01/2012 là loại đất “T” do bà Nguyễn Thị L là chủ sử dụng. Đất có ký hiệu chữ “T” là đất thổ cư. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X phải bồi thường cho bà L toàn bộ diện tích 174,4m² là đất ở sử dụng năm 1996 vì vẫn trong hạn mức 200m². Bà L không đồng ý Ủy ban nhân dân Quận X xác định 119,83m² đất hẻm vì không có văn bản nào xác định đất hẻm, nếu là đất hẻm thì Ủy ban nhân dân Quận X phải công bố và thỏa thuận với các hộ xung quanh, phần đất này đã được Ủy ban nhân dân

Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001. Toàn bộ phần đất này bà L đã sử dụng từ trước năm 2002, Ủy ban nhân dân Quận X căn cứ bản đồ 2002 để xác định đất hẻm là không phù hợp.

- Đối với phần diện tích 614,3m² bà L hoán đổi đất với ông T vào năm 2002, khi hoán đổi cũng như quá trình sử dụng không có văn bản nào xác định đất rạch. Do đó, bà L không đồng ý việc Ủy ban nhân dân Quận X xác định diện tích rạch theo bản đồ 2002 là 247,7m² như xác nhận pháp lý của Ủy ban nhân dân phường A. Bà L yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận X bồi thường toàn bộ diện tích 614,3m² là đất nông nghiệp không trừ diện tích rạch 247,7m².

** Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có văn bản trình bày như sau:*

Căn cứ Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 372/UBND-XN ngày 02/7/2009 của Ủy ban nhân dân phường A đối với bà L như sau:

Theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì căn nhà (thửa đất): Không số, tổ 3, khu phố 1, phường A, Quận X do bà L sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm có tổng diện tích khuôn viên: 1.899,53m². Trong đó:

* Diện tích 614,3m²: + Theo TL bản đồ 2002: có 247,7m² là đất rạch.

+ Theo TL bản đồ 299/TTg: có 38,3m² là đất rạch.

* Diện tích 1.285,23m²: Theo TL bản đồ 2002 có 119,83m² là hẻm.

- Tại vị trí 1: (thuộc 1 phần thửa số 67 tờ 17, bản vẽ lập ngày 05/5/2009) hiện trạng bà L sử dụng với diện tích 614,3m² trong đó có 247,7m² là rạch theo tài liệu bản đồ 2002 (trong rạch 2002 có 38,3m² là rạch theo TL 299). Phần số 1 xây dựng sau năm 2002.

- Tại vị trí 2: (thuộc thửa 65, 66, 67 tờ 19, bản vẽ lập ngày 01/6/2009) hiện trạng bà L sử dụng với diện tích 1.165,4m² (1285,25m² - 119,83m²) (hẻm theo tài liệu 2002), toàn bộ diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần số 1, 2 xây dựng năm 1996, đến năm 2000 bà L sửa chữa lại thành kết cấu vách gỗ + lá, nền xi măng, mái lá, đến sau năm 2004 nhà bà L bị cháy và bà L đã sửa chữa lại như hiện trạng theo bản vẽ bồi thường. Tại vị trí trên bà L không có tạm trú, chỉ để cho thuê và từ năm 2003 ông Hoàng (con bà L) có ở tại vị trí trên. Một phần số 3 (thuộc thửa 67 tờ bản đồ số 19) san lấp trước năm 2001.

Ngày 04/9/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 12139/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà L với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là: 238.520.000 đồng;

Về tái định cư: Được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn 68,94m².

Ngày 02/11/2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 14928/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà L.

Ngày 11/10/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 13499/QĐ-UBND về việc thưởng do chấp hành tốt chủ trương, chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng đối với bà L với số tiền là: 5.000.000 đồng.

Ngày 11/10/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 13500/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại bổ sung đối với bà L với tổng giá trị là: 900.000 đồng.

Ngày 17/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 14684/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đối với bà L với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là: 1.341.560.000 đồng, do bà L đồng ý nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ từ chính sách tái định cư, không đăng ký tái định cư.

Không đồng ý với Quyết định nêu trên bà L gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngày 25/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà L với nội dung: "...Giao Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Thủ Thiêm chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà L theo đơn giá đất ở phần nhà đất diện tích 36,00m² theo quy định..."

Ngày 23/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16791/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 14684/QĐ-UBND ngày 17/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X đối với bà L với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư là: 1.378.640.000 đồng. Về tái định cư: được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn 36,00 m² đối với đất ở. Bà L đã đồng ý nhận số tiền nêu trên và đã bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Việc bà L yêu cầu hủy Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 và Quyết định số 15137/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X là không có cơ sở giải quyết, bởi:

Vị trí nhà, đất: Không số, tổ 3, khu phố 1, phường A, Quận X có diện tích 1.899,53m², trong đó theo tài liệu bản đồ năm 2002 diện tích hẻm 119,83m², diện tích rạch 247,7m² do bà L sử dụng. Năm 1996, bà L xây dựng nhà không phép trên phần đất thuộc bản vẽ hiện trạng nhà, đất lập ngày 01/6/2009 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2001. Ngày 16/01/1997, Ủy ban nhân dân xã Thủ Thiêm lập biên bản xử lý vi phạm số 15/BB-XD với diện tích 4m x 9m = 36m², kết cấu: cột cây, mái lá, vách ki, nền xi măng. Ngày 20/02/1997, Ủy ban nhân

dân xã Thủ Thiêm ban hành Quyết định số 88/QĐ-UB về xử phạt vi phạm hành chính cất nhà không xin phép đối với bà Nguyễn Thị L.

Năm 1999, bà L đứng tên kê khai đăng ký nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố với diện tích khuôn viên là 240m², diện tích xây dựng 40m².

Tuy nhiên, ngày 22/7/2011 Ủy ban nhân dân phường A có Công văn số 341/UBND xác định tình trạng cư trú của hộ bà Nguyễn Thị L với nội dung: “Tại căn nhà giải tỏa không số, tổ 3, khu phố 1, phường A, Quận X bà Nguyễn Thị L có cư trú cùng chồng là ông Vũ Đình K từ tháng 4 năm 1996. Năm 1997, do bị bệnh nên bà L để cho con là ông Vũ Huy H ở, còn bà và ông K thường xuyên đi về. Đến năm 2003, ông Vũ Huy H nhập hộ khẩu về nhà số 350/15B (HG) nhưng thực tế ông H vẫn ở tại căn nhà giải tỏa. Năm 2003, nhà cháy bà L sửa chữa lại thành 02 căn cho ông H ở và cho thuê. Năm 2005 đến khi bàn giao mặt bằng bà L cho 02 hộ thuê”.

Căn cứ tiêu tiết b.1.2.3, tiết b.1.2, điểm b.1, mục b, khoản 3, Điều 3 và khoản 1, 3, Điều 4 quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu tái định cư Quận X ban hành kèm theo Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21 tháng 11 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 123/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố) quy định:

“b.1.2.3. Đất ở sử dụng ổn định từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 16/9/1998 (ngày thành phố phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Thủ Thiêm) hoặc trước ngày 22/4/2002 (ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chỉ thị 08/2002/CT-UB, đối với các khu quy hoạch tái định cư), tính hỗ trợ bằng 100% đơn giá đất ở, trừ đi 100% tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định [đơn giá hỗ trợ = đơn giá đất ở để tính đền bù – (100% x đơn giá đất quy định tại Quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT và Quyết định số 1460/QĐ-UB-QLĐT)].”

“1. Đơn giá đền bù thiệt hại đất trồng cây hàng năm, kể cả ao, hồ tự đào áp dụng theo đơn giá tối đa (hạng 1) quy định tại Quyết định số 05/QĐ-UB-QLĐT ngày 04/01/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố là 19.300đ/m², nhân với hệ số K ≈ 7,77. Mức giá đền bù là 150.000đ/m².

3. Đối với đất trồng cây lâu năm (có nguồn gốc là đất ruộng đã đầu tư cải tạo, bồi đắp thành vườn), được tính đền bù theo giá đền bù đất trồng cây hàng năm quy định tại Khoản 1 Điều này và cộng thêm mức hỗ trợ chi phí cải tạo, bồi đắp 50.000đ/m². Mức giá đền bù là 200.000đ/m².” Đồng thời, theo nội dung Công văn số 849/UBND-ĐTMT ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành giải quyết vướng mắc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm tại Tờ trình số 14/TTr-TCTLN ngày 21/01/2008 quy định: “Các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở và người đang sử dụng có giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất nông nghiệp nếu bị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm hành chính ngưng xây dựng hoặc buộc tháo dỡ nêu tại tiết b.3.2.3 của Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố được hỗ trợ thiệt hại về đất ở theo diện tích xây dựng nhà, công trình kiến trúc khác theo hiện trạng nhưng không quá hạn mức 200m²”.

Từ cơ sở trên, Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Thủ Thiêm đã chiết tính bồi thường phần nhà có diện tích 36m² do hộ bà Nguyễn Thị L tự chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở đủ điều kiện được hỗ trợ thiệt hại về đất ở thời điểm từ năm 1996 là đúng theo chính sách của dự án và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân Quận X, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X vẫn giữ nguyên các quyết định nêu trên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A., Quận X có ông Hoàng Văn M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ủy ban nhân dân phường A có ban hành Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 372/UBND-XN ngày 02/7/2009 đối với thửa đất bị giải tỏa trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm, thuộc 1 phần thửa số 67 tờ 17 và thửa 65, 66, 67 tờ 19 (theo TL bản đồ 2002), địa chỉ giải tỏa: Không số, tổ 3, Khu phố 1, phường An Lợi Đông, Quận X, tổng diện tích khuôn viên đất 1.899,53m² do bà Nguyễn Thị L là chủ sử dụng, theo 02 bản vẽ hiện trạng do Công ty đo đạc địa chính và công trình lập ngày 05/5/2009 và ngày 01/6/2009.

Ủy ban nhân dân phường A giữ nguyên nội dung xác nhận pháp lý trên, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình K ủy quyền cho ông Thái Hữu N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông K là chồng của bà Nguyễn Thị L. Ông K thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà L. Ngoài ra, ông K không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2016/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2016, Tòa án nhân dân Quận X đã quyết định:

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 11 tháng 5 năm 2016, bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đại diện theo ủy quyền ông Sin Thoại K xác định yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy các Quyết định:

1/ Quyết định 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư;

2/ Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L.

Cụ thể: Yêu cầu bồi thường 200m² đất ở và việc Ủy ban nhân dân Quận X xác định phần diện tích 119,83m² là đất hẻm và phần diện tích rạch là 247,7m² theo bản đồ 2002 là không đúng, bà L xác định không phải đất hẻm và rạch nên yêu cầu được bồi thường theo quy định.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phân tích và xác định: Yêu cầu kháng cáo của bà L không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A, Quận X có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Linh N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa. Những người tham gia tố tụng cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia phiên tòa theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị L: Căn cứ Khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm số 17/2016/HC-ST ngày 28/4/2016 của Tòa án nhân dân Quận X. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L về hủy một phần Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 15172/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

[2] Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A, Quận X có

đại diện theo ủy quyền – ông Nguyễn Linh N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/9/2009, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định 12139/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà L. Không đồng ý bà L có đơn khiếu nại.

Ngày 17/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 14684/QĐ-UBND về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009.

Ngày 25/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr về giải quyết đơn khiếu nại của bà L. Ngày 01/12/2011, bà L nhận được quyết định nêu trên. Không đồng ý, bà L tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/12/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16791/QĐ-UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 14684/QĐ-UBND ngày 17/11/2011.

Ngày 06/6/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 2946/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà L.

Ngày 05/7/2012, bà L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận X là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

[4] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân Quận X ban hành quyết định về bồi thường hỗ trợ đối với bà L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2012 (bút lục 12, 13) và đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2012 (bút lục số 10, 11) bà L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận X, yêu cầu hủy Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X và Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà L.

Ngày 10/9/2013, Tòa án nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 25/2013/QĐST-ĐC đình chỉ giải quyết vụ án do mất quyền khởi kiện. Không đồng ý, bà L có đơn kháng cáo.

Ngày 10/01/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 81/2014/QĐPT-HC hủy quyết định đình chỉ và giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ngày 13/3/2014, Tòa án nhân dân Quận X thụ lý hồ sơ số 08/2014/HCST.

Ngày 26/3/2015, bà L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy: Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà L; Quyết định số 15173/QĐ- UBND-TTr ngày 25/11/2011 và Quyết định số 16791/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của Ủy ban nhân dân Quận X (bút lục 235).

Ngày 17/7/2015, Tòa án nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 10/201/QĐST-HC về việc chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý hồ sơ số 95/HCST ngày 29/9/2015. Ngày 18/9/2015, người khởi kiện xác định lại yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu hủy Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại (bút lục 12 hồ sơ thụ lý số 95/HCST ngày 29/9/2015). Ngày 18/9/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 11/2015/QĐST-HC về việc tách thành 02 vụ kiện (bút lục 13, 14 hồ sơ thụ lý số 95/HCST ngày 29/9/2015):

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2946/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 1082/2015/QĐST-HC ngày 29/9/2015 do bà L rút đơn khởi kiện.

+ Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 và Quyết định số 15173/QĐ- UBND-TTr ngày 25/11/2011 thì Tòa án thành phố ban hành Quyết định số 1089/2015/QĐST-HC ngày 30/9/2015 chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Quận X để giải quyết theo thẩm quyền (bút lục 15, 16 hồ sơ thụ lý số 95/HCST ngày 29/9/2015).

Ngày 04/12/2015, Tòa án nhân dân Quận X đã thụ lý lại hồ sơ số 41/2015/HCST và ngày 28/4/2016, Tòa án nhân dân Quận X xét xử bằng bản án hành chính sơ thẩm số 17/2016/HC-ST, theo đó bác yêu cầu khởi kiện của bà L về yêu cầu hủy Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 và Quyết định số 15173/QĐ- UBND-TTr ngày 25/11/2011.

Ngày 11/5/2016 bà L kháng cáo toàn bộ bản án.

[6] Xét, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà L có ông Sin Thoại K đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu kháng cáo: yêu cầu hủy các Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và Quyết định số 15173/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà L, cụ thể: Yêu cầu bồi thường cho bà L 200m² đất ở và việc Ủy ban nhân dân Quận X xác định phần diện tích 119,83m² là đất hẻm và phần diện tích rạch là 247,7m² theo bản đồ 2002 là không đúng, bà L xác định không phải đất hẻm và rạch nên yêu cầu được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L xác định tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26/3/2015 bà L yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà L; Quyết định số 15173/QĐ- UBND-TTr ngày 25/11/2011 và Quyết định số 16791/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 của Ủy ban nhân dân Quận X (bút lục số 235).

Ngày 17/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 14684/QĐ-UBND về điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009, bồi thường bổ sung 36m² đất ở, các nội dung khác của Quyết định số 12139 vẫn giữ nguyên không thay đổi.

Ngày 23/12/2011, Ủy ban nhân dân Quận X ban hành Quyết định số 16791/QĐ-UBND về điều chỉnh một phần nội dung Điều 1 Quyết định số 14684/QĐ-UBND ngày 17/11/2011, các nội dung khác tại Quyết định số 14684 vẫn giữ nguyên không thay đổi.

Tại Bản án số 17/2016/HC-ST ngày 28/4/2016 của Tòa án nhân dân Quận X, đã nhận định: “Ủy ban nhân dân Quận X ban hành các Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009, Quyết định số 14684/QĐ-UBND ngày 17/11/2011, Quyết định số 16791/QĐ-UBND ngày 23/12/2011 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và Quyết định giải quyết khiếu nại số 15173/QĐ-UBND-TTr ngày 25/11/2011 đối với bà L là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Do đó, toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L không có căn cứ để chấp nhận”. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án chỉ tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu hủy Quyết định số 12139 và Quyết định số 15173 là chưa đầy đủ.

[7] Xét, yêu cầu kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[8] Theo Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi và giao đất xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm thì hộ bà Nguyễn Thị L, ông Vũ Đình K có nhà và đất nằm trong phạm vi giải tỏa của dự án. Nguồn gốc phần đất có diện tích 1.343m² bà L mua của ông Phan Văn Th, bà Nguyễn Thị Th vào năm 1992, đến năm 1996 bà L tự cất nhà không phép diện tích 36m² và bị xử phạt vi phạm xây dựng ngày 14/01/1997. Quá trình sử dụng từ năm 1992 đến khi bị thu hồi giải tỏa, bà L có kê khai theo quyết định 3376 với diện tích 240m² và cải tạo đất làm ao, bồi đắp bờ bao. Ngày 02/10/2001, bà L đã được Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.343m², mục đích sử dụng: lúa.

[9] Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 23/NĐ-CP ngày 27/02/2009 thì thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Bà L bị xử phạt vi phạm hành chính năm 1997, không bị buộc ngưng xây dựng hoặc buộc tháo dỡ.

[10] Xét, Ủy ban nhân dân Quận X đã căn cứ vào Công văn số 849/UBND-ĐTMT ngày 05/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận theo đề nghị

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành giải quyết vướng mắc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm tại Tờ trình số 14/TTr-TCTLN ngày 21/01/2008 quy định: *“Các trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở và người đang sử dụng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp nếu bị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm hành chính ngưng xây dựng hoặc buộc tháo dỡ nêu tại tiết b.3.2.3 của Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố được hỗ trợ thiệt hại về đất ở theo diện tích xây dựng nhà, công trình kiến trúc khác theo hiện trạng nhưng không quá hạn mức 200m²”* nên đã chiết tính bồi thường phần nhà có diện tích 36m² do hộ bà L tự chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở đủ điều kiện được hỗ trợ thiệt hại về đất ở thời điểm từ năm 1996 là chưa đúng.

[11] Tại Tờ kê khai nhà đất năm 1999 bà L đứng tên kê khai đăng ký nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích khuôn viên là 240m², diện tích xây dựng 40m² và tại giấy thỏa thuận về việc xác định ranh giới nhà đất của bà L thể hiện sơ đồ nhà đất có nhà ở, sân phơi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

[12] Căn cứ Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 22/CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng quy định: *“đất ở của mỗi hộ gia đình nông thôn bao gồm đất ở để làm nhà ở và các công trình phục vụ cho đời sống của gia đình”*.

Căn cứ Khoản a mục 1 Điều 3 của Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu tái định cư tại Quận X: *“Đất ở của hộ gia đình, cá nhân là đất để xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ sinh hoạt như bếp, sân, giếng nước...”*.

Căn cứ Điều 2 Quyết định số 188/2004/QĐ-UB ngày 28/7/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu tái định cư tại Quận X:

Căn cứ Mục 2.4 Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 123/2006/QĐ-UB ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong khu quy hoạch xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm và các khu tái định cư tại Quận X:

“2.4 Bổ sung điểm b.3 như sau:

b.3.2. Trường hợp tự chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất ở và xây dựng nhà để ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 20/12/2001 (Đối với Khu đô thị mới Thủ Thiêm) hoặc trước ngày 22/4/2002 (đối với các khu quy hoạch tái định cư) thì được hỗ trợ như sau:

b.3.2.1. Trường hợp không vi phạm quy hoạch, hành Lg bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã phê duyệt và công bố, không được bồi thường về đất ở nhưng được hỗ trợ về đất ở theo diện tích thực tế sử dụng nhưng không quá hạn mức đất ở 200m²/hộ.”

[13] Xét: Phần đất diện tích 1.343m² thuộc thửa 65, 66, 67 tờ 19, bà L đã được Ủy ban nhân dân Quận X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2001, mục đích sử dụng lúa. Quá trình sử dụng từ năm 1992 cho đến khi bị thu hồi giải tỏa, bà L có kê khai đăng ký nhà đất theo Quyết định 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích khuôn viên là 240m², diện tích xây dựng 40m². Năm 1996, bà L tự cất nhà không phép diện tích 36m² và bị xử phạt vi phạm xây dựng ngày 14/01/1997. Xét, theo biên bản xử lý vi phạm số 15/BB-XD ngày 16/01/1997 của Ủy ban nhân dân xã Thủ Thiêm thể hiện diện tích 4m x 9m = 36m², kết cấu: cột cây, mái lá, vách ki, nền xi măng. Ngày 20/02/1997, Ủy ban nhân dân xã Thủ Thiêm ban hành Quyết định số 88/QĐ-UB về xử phạt vi phạm hành chính cất nhà không xin phép đối với bà Nguyễn Thị L ghi nhận hình thức phạt chính, mức phạt 200.000 đồng; hình thức phạt bổ sung: Không có và không bị buộc ngưng xây dựng hoặc buộc tháo dỡ. Và theo Công văn số 226/VPĐK-KT ngày 05/01/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thì toàn bộ thửa 67 tờ bản đồ số 19 (theo tài liệu 2002) có diện tích 174,4m² là loại đất “T” do bà Nguyễn Thị L là chủ sử dụng (bút lục 171). Như đã phân tích và nhận định ở trên thì đối chiếu với các quy định của pháp luật, bà L phải được xem xét đền bù, hỗ trợ đất ở thời điểm năm 1996 – 1997 với diện tích 200m² và tái định cư theo quy định của pháp luật là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điểm a.7 Khoản a; Điểm c.2 Khoản c Mục 3 Điều 3 Phần I; Mục 1 Điều 1 Phần 1, Khoản a Mục 6 Điều 13 Phần 4 của Quyết định số 135; phù hợp với Điều 2 của Quyết định số 188/2004; phù hợp với Điểm b.3.2.1 Mục 2.4 Khoản 2 Điều 2; Mục 1.1 Khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 123/2006/QĐ-UBND ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà L được bồi thường 200m² đất ở là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L về phần diện tích 119,83m² mà Ủy ban nhân dân Quận X xác định là hẻm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Diện tích đất của bà L bị thu hồi được sử dụng từ trước năm 1992. Theo Văn bản số 2905/VPĐK-KTĐC ngày 13/02/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Theo tài liệu trước năm 1975: 01 phần lô số 78^a tờ số 2, An K xã (không có hẻm).

Theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 09/6/2009 do Công ty đo đạc địa chính và công trình - Bộ Tài nguyên và Môi trường lập để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thể hiện: Theo tài liệu 299/TTg thì toàn bộ diện tích đất 1.343m² thuộc thửa 645 không thể hiện có hẻm và đến năm 2001 Ủy ban nhân dân Quận X đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L diện tích 1.343m² mục đích sử dụng: Lúa - cũng không thể hiện có hẻm. Do vậy, Ủy ban nhân dân Quận X xác định theo tài liệu 2002 diện tích 119,83m² là hẻm và không bồi thường cho bà L là không đúng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L.

[15] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà L về phần diện tích 614,3m² bà L hoán đổi đất với ông Tư vào năm 2002, Ủy ban nhân dân Quận X xác định phần diện tích đất 247,7m² là rạch, Hội đồng xét xử nhận thấy: Phần diện tích 614,3m² bà L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 05/5/2005 thể hiện: Theo TL bản đồ 299/TTg: Có 38,3m² là rạch; Theo TL bản đồ 2002: Có 247,7m² là rạch.

[16] Tại phiên tòa, bà L cũng không xuất trình chứng cứ gì khác để chứng minh. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà L cho rằng không phải rạch và yêu cầu được bồi thường là không có cơ sở để chấp nhận.

[17] Từ những nhận định trên, có cơ sở để chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà L: Hủy 01 phần Quyết định 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư; hủy 01 phần Quyết định số 15173/QĐ- UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà L và buộc Ủy ban nhân dân Quận X có trách nhiệm đền bù, hỗ trợ đất ở thời điểm năm 1996 – 1997 với diện tích 200m²; bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp diện tích 119,83m² và tái định cư theo quy định của pháp luật cho bà L. Án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L là không đúng.

[18] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà L. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[19] Do yêu cầu kháng cáo của bà L là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà L theo quy định của pháp luật.

[20] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 17/2016/HC-ST ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận X.

Tuyên bố 01 phần Quyết định số 12139/QĐ-UBND ngày 04/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận X về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư và 01 phần Quyết định số 15173/QĐ- UBND-TTr ngày 25/11/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận X về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L là trái quy định của pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận X có trách nhiệm đền bù, hỗ trợ đất ở thời điểm năm 1996 - 1997 với diện tích 200m²; bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp diện tích 119,83m² và tái định cư theo quy định cho bà Nguyễn Thị L.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L đối với yêu cầu xem xét bồi thường diện tích đất rạch 247,7m².

3. Án phí hành chính:

- Ủy ban nhân dân Quận X phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà L tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AD/2010/08843 ngày 17/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X.

- Ủy ban nhân dân Quận X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Hoàn lại cho bà L tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AC/2012/04425 ngày 11/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

